

PL 01 - DANH SÁCH SINH VIÊN THU NỘP HỌC PHÍ THEO NIÊN CHẾ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2019-2020
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CLC ĐÁP ỨNG TT 23/2014/TT-BGDĐT
(Kèm theo thông báo số 2864 /TB-ĐHKT ngày 01 / 10 /2019)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
1	16050688	Vũ Kim Anh	01/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
2	16050693	Nguyễn Minh Anh	11/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
3	16050698	Đỗ Quỳnh Anh	08/12/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
4	16050701	Nguyễn Văn Anh	06/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
5	16050704	Vương Trung Ân	06/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
6	16050706	Nghiêm Minh Châu	06/20/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
7	16050710	Trần Ngọc Kim Chi	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
8	16050711	Phạm Thị Thảo Chi	06/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
9	16050713	Hoàng Đức Chính	11/28/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
10	16050714	Nguyễn Ngọc Diệp	12/27/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
11	16050715	Nguyễn Phương Dung	10/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
12	16050718	Vũ Thị Thùy Dương	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
13	16050726	Trần Hoàng Văn Hà	10/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
14	16050743	Đào Lương Thúy Hiền	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
15	16050744	Lê Xuân Hiền	04/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
16	16050756	Hoàng Lê Kiên	01/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
17	16050765	Đỗ Thị Linh Linh	02/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
18	16050766	Đinh Phương Linh	07/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
19	16050768	Vũ Thị Phương Linh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
20	16050769	Đỗ Việt Phương Linh	10/02/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
21	16050776	Nguyễn Sơn Long	05/28/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
22	16050777	Hoàng Ngọc Mai	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
23	16050780	Trần Thị Hà My	04/07/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
24	16050782	Bùi Bích Ngọc	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
25	16050788	Bùi Giang Nhi	08/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
26	16050790	Ông Vũ Quỳnh Như	12/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
27	16050793	Nguyễn Thanh Phong	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
28	16050794	Trịnh Phong	09/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
29	16050801	Chu Minh Quang	10/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
30	16050808	Nguyễn Đức Tâm	12/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
31	16050815	Lê Hoa Thiên Thảo	11/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
32	16050819	Phạm Diễm Thùy Tiên	12/25/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
33	16050826	Nguyễn Minh Trang	06/20/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
34	16050827	Hoàng Thị Quỳnh Trang	10/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
35	16050829	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	11/10/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
36	16050830	Nguyễn Thiên Trang	07/14/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
37	16050832	Nguyễn Phan Thu Trang	08/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
38	16050834	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/09/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
39	16050835	Lương Thị Thanh Tú	06/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
40	16050838	Trần Thắm Tuấn	11/25/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
41	16050840	Hoàng Thị Hồng Uyên	08/11/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
42	16050841	Nguyễn Thị Uyên	09/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
43	16050842	Nguyễn Thu Uyên	08/18/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
44	16050845	Nguyễn Thị Thúy Vi	06/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
45	16050850	Nguyễn Khánh Vy	01/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
46	16052341	Ngô Mai Anh	11/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
47	16052342	Nguyễn Thị Minh Anh	10/05/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
48	16052343	Đoàn Việt Bách	07/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
49	16052344	Nguyễn Kim Chi	01/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
50	16052347	Nguyễn Thị Hương Giang	06/01/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
51	16052349	Nguyễn Thị Thuý Hằng	10/30/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
52	16052350	Bùi Nguyệt Hoa	01/29/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
53	16052351	Nguyễn Thu Hồng	07/22/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
54	16052354	Nguyễn Thị Hương	08/12/1996	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
55	16052355	Nguyễn Thị Hương	12/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
56	16052356	Vũ Duy Khánh	01/19/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
57	16052357	Phan Khánh Linh	09/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
58	16052359	Nguyễn Vũ Thuý Linh	06/16/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
59	16052361	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
60	16052363	Đào Thị Hồng Nhung	02/21/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
61	16052364	Vũ Thị Hồng Nhung	04/04/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
62	16052365	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/06/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
63	16052366	Nguyễn Thu Phương	09/24/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
64	16052368	Trịnh Thị Minh Thúy	01/10/1997	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
65	16052369	Đỗ Minh Trang	09/13/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
66	16052370	Lưu Minh Trang	03/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
67	16052371	Nguyễn Anh Trung	01/31/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
68	16052374	Nguyễn Hoàng Tùng	05/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
69	16052375	Nguyễn Thị Thu Uyên	02/26/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
70	16052376	Lê Khánh Tường Vân	11/17/1998	QH-2016-E KTQT-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
71	16051011	Nguyễn Đức Anh	05/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
72	16051014	Nguyễn Phương Anh	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
73	16051024	Nguyễn Thị Linh Chi	11/12/1997	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
74	16051028	Nguyễn Hữu Dũng	04/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
75	16051033	Dương Thị Hương Giang	07/01/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
76	16051039	Nguyễn Thu Hà	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
77	16051041	Đỗ Anh Hào	03/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
78	16051044	Hoàng Thúy Hằng	05/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
79	16051045	Trịnh Yến Hằng	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
80	16051048	Nguyễn Thu Hiền	11/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
81	16051049	Nguyễn Thục Hiền	11/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
82	16051052	Lê Trung Hiếu	04/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
83	16051056	Nguyễn Việt Hoàng	09/19/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
84	16051059	Nguyễn Thanh Huyền	09/04/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
85	16051060	Vũ Thị Thanh Huyền	07/17/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
86	16051061	Hoàng Thị Huyền	04/24/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
87	16051065	Vũ Thị Tú Lệ	08/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
88	16051067	Khúc Cẩm Linh	01/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
89	16051072	Trần Khánh Linh	01/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
90	16051074	Nguyễn Nhật Linh	01/03/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
91	16051080	Cao Hoàng Yến Linh	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
92	16051081	Vũ Thanh Loan	08/07/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
93	16051085	Nguyễn Thị Ly	07/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
94	16051089	Lê Thị Mai	02/18/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
95	16051093	Đào Phương Minh	11/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
96	16051096	Lưu Hải Nam	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
97	16051099	Phạm Nguyễn Bảo Nghi	09/20/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
98	16051103	Đỗ Đăng Tùng Nhật	08/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
99	16051105	Nguyễn Hồng Nhung	03/09/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
100	16051107	Trần Quang Phúc	04/14/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
101	16051112	Nguyễn Đăng Bảo Quyên	03/15/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
102	16051115	Nguyễn Thái Sơn	04/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
103	16051120	Đinh Phương Thảo	04/23/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
104	16051121	Phạm Ngọc Phương Thảo	06/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
105	16051123	Nguyễn Thị Phương Thảo	10/28/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
106	16051124	Vũ Thị Phương Thảo	05/22/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
107	16051125	Nguyễn Thanh Thảo	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
108	16051138	Hoàng Huyền Trang	09/30/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
109	16051140	Hoàng Thu Trang	10/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
110	16051141	Nguyễn Thu Trang	11/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
111	16051145	Nguyễn Cẩm Tú	01/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
112	16051146	Phạm Thị Cẩm Tú	05/13/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
113	16051147	Nguyễn Thanh Tùng	09/06/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
114	16051150	Đông Quang Vinh	07/11/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
115	16052331	Vũ Trung Anh	08/05/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
116	16052332	Đình Bảo Duy	03/26/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
117	16052334	Nguyễn Thị Huyền	02/12/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
118	16052335	Nguyễn Thị Thanh Hương	05/14/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
119	16052336	Trần Thu Thảo	04/27/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
120	16052337	Hoàng Thu Trang	11/21/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
121	16052338	Nguyễn Đức Tùng	05/25/1998	QH-2016-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
122	17050543	Nguyễn Thị Diễm Anh	01/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
123	17050546	Nguyễn Thị Kim Anh	06/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
124	17050548	Đặng Minh Anh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
125	17050550	Bùi Thị Ngọc Anh	12/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
126	17050553	Phạm Quỳnh Anh	03/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
127	17050555	Hoàng Thu Anh	02/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
128	17050557	Trần Tùng Anh	01/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
129	17050560	Nguyễn Thị Minh Ánh	04/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
130	17050562	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
131	17050564	Nguyễn Xuân Bách	02/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
132	17050566	Nguyễn Minh Châu	04/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
133	17050569	Trần Bích Diệp	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
134	17050571	Vũ Thúy Dung	07/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
135	17050573	Hoàng Thái Dương	11/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
136	17050575	Phạm Anh Đức	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
137	17050578	Trịnh Thái Hà	08/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
138	17050581	Trần Lam Hải	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
139	17050585	Vương Thu Hằng	03/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
140	17050587	Đông Thị Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
141	17050590	Trần Mỹ Hoa	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
142	17050593	Nguyễn Lê Huy Hoàng	11/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
143	17050597	Nguyễn Quang Huy	11/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
144	17050599	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
145	17050601	Vũ Thị Thu Huyền	04/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
146	17050605	Lê Thu Hương	09/30/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
147	17050607	Nguyễn Tuấn Kiệt	05/25/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
148	17050609	Phùng Thị Lệ	11/08/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
149	17050612	Nguyễn Lương Khánh Linh	09/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
150	17050614	Nguyễn Thị Thùy Linh	11/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
151	17050617	Nguyễn Thị Hải Lý	09/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
152	17050620	Nguyễn Tuấn Minh	07/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
153	17050623	Đặng Xuân Nam	08/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
154	17050625	Lê Hoàng Ngân	05/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
155	17050627	Vũ Đức Nghĩa	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
156	17050630	Nguyễn Thị Minh Ngọc	07/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
157	17050632	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	02/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
158	17050634	Hoàng Đức Ninh	12/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
159	17050637	Vũ Thu Phương	11/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
160	17050639	Đào Diễm Quỳnh	07/07/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
161	17050641	Khuất Thị Thủy Quỳnh	10/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
162	17050642	Nguyễn Thị Tâm	07/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
163	17050643	Đặng Xuân Thanh	12/09/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
164	17050645	Nguyễn Phương Thảo	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
165	17050647	Nguyễn Thị Thu Trà	09/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
166	17050653	Đình Hoàng Trung	06/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
167	17050656	Nguyễn Minh Tuấn	04/06/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
168	17050659	Bùi Cẩm Vân	01/18/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
169	17050545	Đình Thị Hoàng Anh	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
170	17050547	Hà Thị Lan Anh	01/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
171	17050549	Nguyễn Minh Anh	12/02/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
172	17050552	Phạm Quỳnh Anh	12/10/1997	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
173	17050554	Bùi Thị Anh	09/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
174	17050556	Nguyễn Tuấn Anh	04/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
175	17050558	Lê Thị Vân Anh	07/03/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
176	17050561	Đỗ Thị Ngọc Ánh	03/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
177	17050563	Vũ Thị Ánh	02/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
178	17050565	Vũ Ngọc Bảo	06/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
179	17050568	Nguyễn Ngọc Linh Chi	12/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
180	17050570	Phạm Thị Ngọc Diệp	02/23/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
181	17050572	Nguyễn Đình Duy	08/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
182	17050574	Vũ Hải Đăng	09/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
183	17050577	Lê Vương Hà	06/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
184	17050580	Nguyễn Thị Việt Hà	08/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
185	17050582	Lê Thị Hồng Hạnh	11/04/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
186	17050584	Vũ Thị Thu Hằng	08/01/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
187	17050586	Lê Thị Thanh Hiền	01/27/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
188	17050589	Nguyễn Thị Thu Hiền	11/11/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
189	17050591	Vũ Thị Thu Hòa	12/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
190	17050596	Bùi Mạnh Hùng	03/28/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
191	17050598	Phạm Quang Huy	03/29/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
192	17050600	Chu Thị Huyền	10/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
193	17050602	Trần Mậu Hưng	06/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
194	17050606	Nguyễn Ngọc Khánh	06/29/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
195	17050608	Nguyễn Thị Hoàng Lan	10/23/1998	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
196	17050611	Nguyễn Lê Diệu Linh	05/19/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
197	17050613	Ngô Phương Linh	09/17/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
198	17050615	Trần Thuỳ Linh	10/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
199	17050618	Dương Huyền Mai	02/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
200	17050621	Nguyễn Ngọc Hà My	12/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
201	17050624	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	03/31/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
202	17050626	Đặng Thị Ngân	08/20/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
203	17050629	Đỗ Minh Ngọc	09/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
204	17050631	Bùi Thị Ngọc	04/05/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
205	17050633	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/15/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
206	17050636	Nguyễn Công Diệu Phương	01/21/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
207	17050638	Cao Thị Quế	08/12/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
208	17050640	Vũ Ngọc Quỳnh	04/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
209	17050644	Hà Minh Thảo	02/26/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
210	17050646	Trần Thị Thanh Thúy	11/22/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
211	17050651	Nguyễn Thị Trang	11/16/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
212	17050655	Nguyễn Thị Ngọc Tú	11/13/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
213	17050658	Vũ Hồng Tươi	12/14/1999	QH-2017-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
214	17050660	Phạm Mai Anh	07/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
215	17050663	Lê Thị Ngọc Ánh	12/15/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
216	17050664	Nguyễn Linh Chi	07/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
217	17050665	Trần Ngọc Vân Chi	11/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
218	17050667	Nguyễn Trí Dũng	01/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
219	17050668	Trần Hoàng Dương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
220	17050669	Lương Thị Thuý Dương	07/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
221	17050670	Đỗ Thái Đông	06/16/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
222	17050672	Lê Hà Giang	09/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
223	17050674	Nguyễn Hải Hiệp	07/21/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
224	17050675	Nghiêm Trung Hiếu	04/18/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
225	17050677	Nguyễn Thị Xuân Hòa	08/01/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
226	17050679	Nguyễn Đức Hùng	02/02/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
227	17050680	Lê Huy	07/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
228	17050681	Nguyễn Thanh Huyền	08/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
229	17050683	Trần Thị Thanh Huyền	03/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
230	17050684	Nguyễn Thu Huyền	10/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
231	17050685	Vũ Quỳnh Hương	09/06/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
232	17050686	Lê Thị Hương	10/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
233	17050688	Nguyễn Tuấn Khải	08/27/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
234	17050689	Nguyễn Quốc Khánh	08/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
235	17050691	Nguyễn Sơn Lâm	09/25/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
236	17050693	Đặng Phương Linh	05/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
237	17050694	Nguyễn Tất Linh	01/14/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
238	17050695	Hoàng Thị Yến Linh	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
239	17050698	Đặng Hương Ly	04/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
240	17050700	Phạm Công Minh	12/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
241	17050701	Đình Quang Minh	11/23/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
242	17050702	Trần Phùng Hà My	05/14/1998	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
243	17050703	Mai Hải Nam	09/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
244	17050704	Nguyễn Văn Khánh Nam	03/07/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
245	17050705	Bùi Bích Ngọc	08/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
246	17050708	Phạm Kim Oanh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
247	17050709	Phạm Hà Phương	01/20/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
248	17050714	Phan Diễm Quỳnh	10/09/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
249	17050715	Bùi Ngọc Quỳnh	07/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
250	17050716	Phạm Thuý Quỳnh	06/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
251	17050717	Nguyễn Thị Minh Tâm	02/05/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
252	17050718	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/03/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
253	17050719	Đỗ Phương Thảo	09/22/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
254	17050720	Nguyễn Thị Thoa	09/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
255	17050721	Bùi Mai Thương	12/17/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
256	17050722	Phạm Ngọc Thương	07/19/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
257	17050723	Chu Huyền Trang	01/31/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
258	17050724	Đỗ Huyền Trang	09/13/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
259	17050725	Nguyễn Thị Huyền Trang	02/24/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
260	17050726	Bùi Quỳnh Trang	06/26/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
261	17050727	Nguyễn Thị Thu Trang	11/10/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
262	17050728	Nguyễn Đỗ Ngọc Trinh	09/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
263	17050730	Đình Anh Tuấn	05/08/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
264	17050731	Bùi Sơn Tùng	11/30/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
265	17050732	Nguyễn Quang Tuyền	10/29/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
266	17050733	Nguyễn Thị Xuyên	08/11/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
267	17050734	Hà Thị Hải Yến	07/04/1999	QH-2017-E QTKD-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
268	17050735	Đỗ Quỳnh Anh	07/04/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
269	17050737	Phạm Hoàng Minh Châu	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
270	17050738	Nguyễn Linh Diệp	10/01/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
271	17050739	Nguyễn Khánh Duy	01/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
272	17050740	Đỗ Tiến Đạt	04/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
273	17050741	Nguyễn Thị Hà Giang	01/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
274	17050742	Lê Thu Giang	07/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
275	17050743	Nguyễn Ngọc Hải	04/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
276	17050744	Nguyễn Thanh Hằng	10/07/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
277	17050746	Phạm Đức Huy	08/08/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
278	17050747	Bùi Huyền Hương	10/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
279	17050749	Nguyễn Khánh Linh	10/24/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
280	17050750	Đỗ Nguyễn Thảo Linh	09/12/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
281	17050751	Nguyễn Thùy Linh	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
282	17050752	Vương Thị Hương Ly	12/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
283	17050753	Trần Phương Nam	10/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
284	17050755	Trần Nguyễn Thảo Nguyên	10/17/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
285	17050756	Trịnh Thị Thanh Phúc	02/23/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
286	17050757	Nguyễn Hạnh Uyên Phương	01/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
287	17050758	Lê Vũ Minh Quang	11/10/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
288	17050761	Phạm Huy Thành	03/03/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
289	17050762	Nguyễn Anh Thư	09/15/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
290	17050763	Trương Thị Trang	10/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
291	17050764	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/16/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
292	17050765	Vũ Kiều Trinh	09/29/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
293	17050766	Phạm Anh Tuấn	07/19/1999	QH-2017-E TCNH-CLC (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
294	18050990	Bùi Thị Linh Anh	08/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	3,115,000	14,385,000
295	18050991	Hà Thị Việt Anh	04/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
296	18050992	Hoàng Minh Anh	07/27/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
297	18050993	Hoàng Ngọc Anh	10/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
298	18050994	Hoàng Vân Anh	07/31/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
299	18050995	Lê Thị Minh Anh	05/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
300	18050998	Nguyễn Thị Lan Anh	12/29/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
301	18050999	Nguyễn Thị Mai Anh	02/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
302	18051000	Nguyễn Thị Ngọc Anh	09/30/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
303	18051003	Phạm Thị Hồng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
304	18051005	Phạm Thị Ngọc Anh	05/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
305	18051021	Trần Thị Phương Dung	06/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
306	18051025	Trần Thị Duyên	11/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
307	18051030	Nguyễn Thị Hương Giang	10/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
308	18051037	Bùi Thu Hằng	11/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
309	18051038	Đới Thị Thúy Hằng	11/03/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
310	18051043	Đỗ Thanh Hiền	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
311	18051047	Lê Thị Hoa	06/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
312	18051050	Lê Thị Minh Hương	07/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
313	18051053	Lê Kim Huyền	10/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
314	18051055	Thái Thị Huyền	11/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
315	18051064	Lê Thị Diệu Linh	03/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
316	18051066	Nguyễn Thị Linh	04/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
317	18051076	Bùi Phương Nga	09/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
318	18051078	Đoàn Thị Thúy Nga	06/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
319	18051080	Lưu Đại Nghĩa	12/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
320	18051085	Đào Anh Như	09/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
321	18051100	Vương Thị Như Quỳnh	04/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
322	18051104	Bùi Mai Phương Thảo	10/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
323	18051108	Dương Thị Thom	08/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
324	18051111	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
325	18051113	Vũ Thị Thu Thủy	03/23/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
326	18051114	Hà Thủy Tiên	11/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
327	18051118	Đặng Thị Trang	03/09/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
328	18051119	Đoàn Minh Trang	04/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
329	18051124	Phan Thị Thanh Uyên	12/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
330	18051128	Phạm Thanh Xuân	03/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
331	18050996	Lê Việt Anh	04/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
332	18051001	Nguyễn Thị Vân Anh	02/12/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
333	18051002	Phạm Mai Anh	08/31/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
334	18051009	Hồ Ngọc Ánh	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
335	18051010	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
336	18051013	Phạm Thị Khánh Chi	10/01/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
337	18051015	Trịnh Kim Chi	01/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
338	18051020	Phạm Thùy Dung	02/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
339	18051023	Trần Thùy Dương	03/05/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
340	18051032	Bùi Thị Thu Hà	08/22/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
341	18051033	Ngô Thị Thu Hà	08/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
342	18051034	Trần Thu Hà	09/30/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
343	18051036	Đàm Thị Ngọc Hân	01/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
344	18051041	Trần Thị Hằng	07/09/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
345	18051049	Nguyễn Thị Hồng	02/15/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
346	18051059	Đỗ Hoàng Lan	12/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
347	18051061	Đặng Thị Nhật Linh	02/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
348	18051067	Phạm Khánh Linh	09/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
349	18051068	Tổng Khánh Linh	10/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
350	18051069	Trần Diệu Linh	02/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
351	18051072	Lưu Hà Ly	01/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
352	18051083	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/06/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
353	18051084	Đinh Thị Nguyệt	03/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
354	18051088	Đỗ Mai Phương	08/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
355	18051089	Đỗ Ngọc Phương	08/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
356	18051092	Phạm Thị Kim Phượng	03/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
357	18051093	Nguyễn Anh Quân	11/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
358	18051095	Hoàng Thị Thu Quỳnh	09/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
359	18051105	Đỗ Phương Thảo	01/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
360	18051107	Triệu Phương Thảo	01/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
361	18051109	Nguyễn Thị Minh Thu	12/13/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
362	18051110	Phạm Thị Anh Thư	09/23/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
363	18051112	Đinh Thị Thu Thủy	11/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
364	18051123	Bùi Thu Uyên	05/27/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
365	18051126	Đinh Tôn Thảo Vy	10/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
366	18051130	Hoàng Thị Dừng	09/10/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
367	18051131	Lương Trung Thành	10/05/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
368	18050997	Nguyễn Phương Anh	05/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
369	18051004	Phạm Thị Mai Anh	06/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
370	18051006	Trần Thị Lan Anh	08/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
371	18051007	Trịnh Hoài Anh	06/07/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
372	18051008	Trịnh Thị Lan Anh	05/11/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
373	18051011	Phạm Thị Ngọc Ánh	12/29/1999	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
374	18051014	Trịnh Kim Chi	12/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
375	18051016	Đặng Linh Đan	08/21/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
376	18051022	Ngô Bình Dương	09/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
377	18051028	Nguyễn Huệ Giang	05/29/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
378	18051029	Nguyễn Thị Hoàng Giang	07/02/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
379	18051031	Phùng Thị Thu Giang	10/26/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
380	18051039	Nguyễn Thị Hằng	05/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
381	18051040	Nguyễn Thị Hằng	09/27/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
382	18051045	Trần Thị Thu Hiền	04/03/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
383	18051052	Hồ Thị Thanh Huyền	08/17/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
384	18051060	Trần Thị Phương Liên	05/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
385	18051062	Đào Thùy Linh	01/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
386	18051070	Nguyễn Thăng Long	10/10/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
387	18051073	Nguyễn Thị Thúy Mai	09/25/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
388	18051075	Nguyễn Thảo My	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
389	18051086	Lưu Thị Hồng Oanh	01/20/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
390	18051087	Bùi Thị Thu Phương	08/08/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
391	18051094	Phạm Thị Thục Quyên	09/24/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
392	18051098	Ngô Thúy Quỳnh	10/04/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
393	18051099	Nguyễn Như Quỳnh	02/28/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
394	18051101	Trần Đức Tài	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
395	18051102	Đình Lê Thanh	08/14/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
396	18051103	Trịnh Việt Thành	12/04/1998	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
397	18051106	Tạ Thị Phương Thảo	11/06/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
398	18051116	Nguyễn Thành Tiến	12/15/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
399	18051117	Cao Thanh Trà	01/22/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
400	18051120	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/19/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
401	18051121	Nguyễn Quốc Trung	01/15/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
402	18051122	Lê Nguyễn Thành Tú	02/12/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
403	18051129	Phương Hải Yến	10/16/2000	QH-2018-E KẾ TOÁN-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
404	18050385	Lê Vũ Thị Vân Anh	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
405	18050396	Thân Thị Vân Anh	04/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
406	18050401	Vũ Hải Anh	10/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
407	18050402	Vũ Thị Lan Anh	09/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
408	18050404	Lê Ngọc Ánh	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
409	18050436	Ngô Thùy Dương	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
410	18050443	Nguyễn Thị Thu Hà	12/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
411	18050449	Trương Thị Hằng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
412	18050452	Lê Thị Hạnh	06/23/1998	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
413	18050457	Đình Lê Công Hiếu	02/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
414	18050464	Hoàng Mai Hồng	05/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
415	18050473	Phạm Thị Hương	02/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
416	18050483	Phạm Thị Thanh Huyền	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
417	18050484	Trần Thị Huyền	05/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
418	18050486	Lê Từ Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
419	18050489	Trương Trần Minh Khôi	03/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
420	18050493	Vương Vũ Ngọc Liên	10/29/2001	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
421	18050494	Đương Thùy Linh	07/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
422	18050510	Đương Thị Thanh Loan	03/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
423	18050514	Nguyễn Minh Long	07/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
424	18050517	Phạm Thị Khánh Ly	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
425	18050531	Nguyễn Hằng Nga	10/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
426	18050532	Nguyễn Thị Ngà	01/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
427	18050534	Lê Tuấn Ngọc	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
428	18050536	Nguyễn Thùy Ngọc	09/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
429	18050550	Nguyễn Đỗ Thu Phương	08/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
430	18050554	Nguyễn Nhật Phương	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
431	18050555	Nguyễn Thị Phương	03/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
432	18050561	Nguyễn Thiện Quang	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
433	18050564	Nguyễn Hải Quỳnh	05/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
434	18050565	Vũ Thị Quỳnh	06/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
435	18050574	Đỗ Phương Thảo	05/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
436	18050585	Phạm Thương Thảo	08/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	3,115,000	14,385,000
437	18050588	Vũ Phương Thảo	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
438	18050601	Trương Thị Trâm	02/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
439	18050602	Đỗ Thị Trang	05/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
440	18050605	Nguyễn Phương Trang	08/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
441	18050616	Nguyễn Công Tú	05/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
442	18050377	Bùi Vân Anh	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
443	18050379	Đỗ Phương Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
444	18050380	Đỗ Tuấn Anh	10/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
445	18050395	Tạ Thị Vân Anh	11/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
446	18050397	Trần Đăng Kiều Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
447	18050407	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
448	18050416	Trương Thị Khánh Chi	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
449	18050420	Phạm Anh Đào	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
450	18050435	Đoàn Bình Dương	02/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
451	18050481	Lê Thị Thu Huyền	02/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
452	18050482	Lưu Thị Huyền	01/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
453	18050487	Nguyễn Quốc Khánh	09/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
454	18050492	Vũ Trần Phương Lan	09/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
455	18050507	Trần Thùy Linh	03/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
456	18050508	Trịnh Vũ Vi Linh	10/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
457	18050513	Nguyễn Hoàng Long	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
458	18050516	Nguyễn Thị Phương Ly	08/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
459	18050556	Nguyễn Thị Phương	11/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
460	18050562	Nguyễn Thị Lê Quyên	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
461	18050563	Dương Ngọc Quỳnh	10/24/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
462	18050568	Thang Thị Tâm	07/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
463	18050575	Hoàng Phương Thảo	12/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
464	18050579	Lê Thị Thảo	07/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
465	18050580	Nguyễn Phương Thảo	03/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
466	18050581	Nguyễn Thị Phương Thảo	11/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
467	18050584	Nguyễn Thị Phương Thảo	07/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
468	18050593	Lê Thị Thùy	04/15/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
469	18050594	Hoàng Thị Thu Thùy	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
470	18050599	Lữ Huyền Trâm	09/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
471	18050603	Lê Huyền Trang	11/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
472	18050617	Bùi Mạnh Tuấn	12/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
473	18050623	Đỗ Thị Thuý Vân	01/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
474	18050625	Nguyễn Thị Vân	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
475	18050629	Vì Hải Việt	10/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
476	18050633	Chu Thị Thu Xanh	06/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
477	18050634	La Hải Yến	06/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
478	18050636	Nguyễn Thị Hải Yến	06/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
479	18050637	Phan Hải Yến	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
480	18050639	Vũ Hải Yến	08/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
481	18050388	Nguyễn Quỳnh Anh	03/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
482	18050400	Trần Thị Kim Anh	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
483	18050408	Trần Thị Ngọc Ánh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
484	18050423	Bùi Thị Diệu	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
485	18050426	Nghiêm Phan Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
486	18050428	Lê Thùy Dung	09/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
487	18050429	Đỗ Quang Dũng	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
488	18050430	Lê Huy Dũng	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
489	18050432	Nguyễn Lê Dũng	02/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
490	18050444	Trần Thị Thu Hà	10/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
491	18050446	Bùi Thị Hằng	03/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
492	18050451	Lâm Thị Thúy Hạnh	08/31/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
493	18050465	Nguyễn Ánh Hồng	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
494	18050466	Phan Thu Huệ	07/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
495	18050467	Đỗ Duy Hùng	09/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
496	18050477	Nguyễn Thị Thu Hường	11/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
497	18050496	Lê Khánh Linh	05/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
498	18050498	Nguyễn Khánh Linh	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
499	18050500	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
500	18050503	Tô Khánh Linh	11/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
501	18050524	Nguyễn Thế Minh	12/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
502	18050526	Vũ Thị Nhật Minh	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
503	18050527	Bùi Trà My	07/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
504	18050530	Phạm Văn Nam	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
505	18050537	Lê Bảo Nguyên	06/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
506	18050539	Hoàng Thị Nguyệt	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
507	18050543	Lưu Thị Hồng Nhung	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
508	18050549	Đặng Mai Phương	12/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
509	18050566	Trịnh Anh Sơn	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
510	18050567	Lê Khánh Tâm	11/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
511	18050582	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
512	18050583	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
513	18050587	Trần Thị Thu Thảo	08/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
514	18050592	Phạm Thị Thư	03/08/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
515	18050596	Nguyễn Thị Thu Thủy	08/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
516	18050598	Trần Thuý Tiên	03/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
517	18050608	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	08/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
518	18050614	Phạm Thu Trang	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
519	18050378	Đỗ Hoàng Anh	08/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
520	18050381	Hồ Thiên Anh	11/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
521	18050390	Nguyễn Thị Lâm Anh	01/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
522	18050392	Nguyễn Trần Huệ Anh	06/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
523	18050399	Trần Ngọc Anh	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
524	18050405	Ngô Nhật Ánh	12/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
525	18050406	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	02/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
526	18050412	Trần Quốc Bình	12/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
527	18050413	Vũ Thị Quỳnh Châm	03/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
528	18050414	Nguyễn Minh Châu	12/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
529	18050417	Nguyễn Hữu Chuyên	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
530	18050422	Trần Hoàng Đạt	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
531	18050442	Nguyễn Thị Ngọc Hà	01/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
532	18050456	Trần Thu Hiền	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
533	18050470	Nguy Thị Hương	04/14/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
534	18050471	Nguyễn Mai Hương	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
535	18050475	Trần Hoài Hương	07/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
536	18050478	Mai Hoàng Huy	02/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
537	18050479	Nguyễn Quốc Huy	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
538	18050488	Trần Đình Khiêm	07/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
539	18050490	Trần Trung Kiên	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
540	18050491	Vũ Phạm Đại Lâm	12/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
541	18050495	Hoàng Vũ Linh	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
542	18050497	Nguyễn Bảo Linh	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
543	18050501	Phạm Thị Mai Linh	10/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
544	18050502	Phạm Thị Thùy Linh	11/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
545	18050540	Nguyễn Đăng Nhật	02/22/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
546	18050547	Bùi Phạm Tiến Phong	04/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
547	18050590	Vũ Quốc Thịnh	09/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
548	18050591	Nguyễn Minh Thu	12/28/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
549	18050607	Nguyễn Thị Huyền Trang	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
550	18050615	Nguyễn Công Trung	09/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
551	18050619	Phan Hoàng Tùng	04/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
552	18050620	Vương Thị Kim Tuyến	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
553	18050621	Nguyễn Thị Tuyết	01/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
554	18050627	Hoàng Hà Vi	04/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
555	18050628	Trương Diễm Trang Vi	07/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
556	18050630	Dương Thị Hồng Vinh	03/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
557	18050409	Trịnh Thị Ngọc Ánh	04/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
558	18050410	Vũ Thị Bắc	09/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
559	18050425	Nguyễn Văn Dư	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
560	18050431	Nguyễn Anh Dũng	05/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
561	18050437	Nguyễn Thùy Dương	09/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
562	18050438	Trần Hoàng Thái Dương	05/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
563	18050445	Đỗ Ngọc Hân	12/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
564	18050455	Nguyễn Thanh Hậu	05/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
565	18050458	Dương Ngọc Hiếu	01/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
566	18050460	Đặng Huy Hiệu	09/09/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
567	18050461	Nguyễn Khánh Hòa	08/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
568	18050469	Nguyễn Cao Việt Hưng	05/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
569	18050472	Nguyễn Thị Hương	06/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
570	18050485	Nguyễn Thụy Khanh	08/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
571	18050504	Trần Diệu Linh	04/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
572	18050509	Vũ Thùy Linh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
573	18050512	Doãn Bảo Long	04/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
574	18050515	Nguyễn Thảo Ly	02/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
575	18050518	Trần Hương Ly	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
576	18050529	Trần Thị Ngọc Mỹ	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
577	18050542	Cung Trang Nhung	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
578	18050544	Nguyễn Phạm Hồng Nhung	01/10/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
579	18050546	Vũ Thị Hồng Nhung	12/12/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
580	18050552	Nguyễn Minh Phương	11/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
581	18050557	Phạm Lê Hà Phương	05/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
582	18050558	Đoàn Anh Quân	03/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
583	18050560	Nguyễn Đức Quang	03/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
584	18050569	Phạm Ngọc Tân	11/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
585	18050572	Bùi Phương Thảo	06/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
586	18050573	Bùi Thanh Thảo	12/07/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
587	18050595	Lưu Thị Thu Thủy	03/22/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
588	18050597	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	01/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
589	18050606	Nguyễn Quỳnh Trang	06/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
590	18050611	Nguyễn Thu Trang	03/04/1999	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
591	18050612	Phạm Huyền Trang	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
592	18050638	Phùng Thị Thảo Yến	11/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
593	18051133	Phạm Hoàng Long	03/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 5 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
594	18050389	Nguyễn Thế Anh	01/03/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
595	18050391	Nguyễn Thị Ngọc Anh	10/06/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
596	18050393	Phạm Hoàng Anh	02/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
597	18050394	Phạm Phương Anh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
598	18050398	Trần Hồng Anh	11/17/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
599	18050411	Nguyễn Thanh Bình	07/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
600	18050419	Nguyễn Nam Đan	10/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
601	18050427	Vũ Công Đức	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
602	18050433	Nguyễn Minh Hoàng Dũng	02/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
603	18050434	Thái Minh Dũng	09/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
604	18050440	Nguyễn Thị Hương Giang	10/30/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
605	18050447	Phạm Thị Thu Hằng	07/16/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
606	18050448	Trịnh Minh Hằng	02/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
607	18050459	Lê Trung Hiếu	07/27/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
608	18050462	Ngô Minh Hoàng	12/21/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
609	18050468	Đỗ Văn Hùng	09/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
610	18050474	Tạ Diễm Hương	04/04/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
611	18050480	Trương Cảnh Huy	08/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
612	18050511	Đỗ Minh Long	11/18/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
613	18050522	Trần Đức Mạnh	11/01/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
614	18050523	Trần Đức Mạnh	08/15/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
615	18050525	Trần Hoàng Minh	09/05/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
616	18050538	Ngô Anh Nguyên	12/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
617	18050548	Lê Đặng Việt Phú	05/20/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
618	18050551	Nguyễn Lan Phương	12/02/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
619	18050570	Nguyễn Quốc Thắng	07/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
620	18050571	Đỗ Thị Hoài Thanh	11/26/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
621	18050577	Lê Minh Thảo	01/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
622	18050578	Lê Phương Thảo	04/23/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
623	18050586	Trần Phương Thảo	07/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
624	18050589	Vũ Thị Phương Thảo	07/19/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
625	18050604	Nguyễn Khánh Trang	09/13/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
626	18050609	Nguyễn Thiên Hạnh Trang	06/25/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
627	18050613	Phạm Thị Huyền Trang	12/29/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
628	18050631	Văn Ngọc Vinh	12/24/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
629	18050635	Nguyễn Thị Hải Yến	08/08/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
630	18050640	Phan Thành Trung	06/11/2000	QH-2018-E KTQT-CLC 6 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
631	18050657	Nguyễn Hà Anh	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
632	18050659	Nguyễn Hồng Anh	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
633	18050664	Nguyễn Thị Lan Anh	05/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
634	18050665	Nguyễn Thị Tuyết Anh	04/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
635	18050669	Phạm Thị Vân Anh	04/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
636	18050675	Đào Ngọc Ánh	04/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
637	18050679	Nguyễn Ngọc Ánh	02/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
638	18050683	Tô Thị Bình	06/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
639	18050697	Nguyễn Thuỳ Dương	07/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
640	18050712	Nguyễn Thị Hằng	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
641	18050716	Nguyễn Thị Thanh Hậu	07/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	4,450,000	13,050,000
642	18050721	Đình Bá Hoàng	05/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
643	18050730	Ngô Quang Huy	04/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
644	18050741	Doãn Thị Thuỳ Linh	09/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
645	18050744	Lục Phạm Khánh Linh	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
646	18050747	Ngô Thị Diệu Linh	03/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
647	18050761	Tổng Thị Hải Ly	08/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
648	18050766	Vũ Thị Mai	06/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
649	18050771	Đình Huyền My	04/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
650	18050772	Kiều Thị Trà My	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
651	18050773	Phạm Đoàn Trà My	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
652	18050775	Hoàng Mai Ngân	09/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
653	18050781	Nguyễn Yến Ngọc	09/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
654	18050782	Phạm Hoài Ngọc	12/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
655	18050791	Nguyễn Thị Nhung	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
656	18050798	Nguyễn Thị Thanh Phương	09/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
657	18050799	Nguyễn Văn Phương	07/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
658	18050811	Nguyễn Thị Lê Thảo	04/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
659	18050814	Nguyễn Thị Thiện	08/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
660	18050819	Vũ Hà Thu	12/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
661	18050821	Lê Thu Thúy	10/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
662	18050823	Mai Nguyễn Thanh Thủy	01/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
663	18050828	Đình Hoàng Hạnh Trang	10/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
664	18050832	Lường Thị Trang	07/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
665	18050833	Lưu Quỳnh Trang	08/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
666	18050834	Mai Thị Kiều Trang	11/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
667	18050840	Thiều Thiện Tường	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
668	18050842	Trịnh Thị Tuyết	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
669	18050846	Nguyễn Thị Yên	10/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
670	18050655	Hoàng Thị Vân Anh	11/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
671	18050656	Mai Hoàng Phương Anh	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	2,225,000	15,275,000
672	18050662	Nguyễn Phương Anh	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
673	18050666	Nguyễn Tùng Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
674	18050667	Nguyễn Việt Anh	03/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
675	18050672	Trần Vương Tú Anh	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
676	18050687	Đào Ngọc Chuyên	04/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
677	18050694	Nguyễn Thị Ngọc Dung	10/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
678	18050701	Đình Trà Giang	08/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
679	18050702	Nguyễn Thanh Giang	06/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
680	18050704	Vũ Trường Giang	04/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
681	18050707	Phạm Thị Thu Hà	02/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
682	18050717	Lê Thị Hiền	08/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
683	18050720	Trương Thanh Hoa	02/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
684	18050724	Nguyễn Thị Huế	09/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
685	18050725	Tạ Thị Thu Huế	12/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
686	18050726	Hoàng Mai Hương	02/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
687	18050727	Bùi Thị Hường	03/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
688	18050729	Dương Quốc Huy	06/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
689	18050734	Ngô Thị Khánh Huyền	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
690	18050739	Trịnh Hồng Lê	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
691	18050745	Mai Thị Thùy Linh	10/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
692	18050746	Ngô Khánh Linh	07/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
693	18050750	Nguyễn Trúc Linh	10/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
694	18050762	Nguyễn Minh Lý	08/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
695	18050767	Nguyễn Tiến Mạnh	12/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
696	18050770	Nguyễn Tuấn Minh	10/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
697	18050778	Lê Thị Bảo Ngọc	04/16/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
698	18050788	Trần Minh Nhi	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
699	18050789	Phùng Đỗ Tâm Như	09/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
700	18050790	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
701	18050797	Nguyễn Thị Phương	06/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
702	18050802	Bùi Trung Quyền	03/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
703	18050804	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	11/25/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
704	18050805	Chu Đỗ Hoàng Sơn	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
705	18050822	Nguyễn Thị Thanh Thùy	06/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
706	18050835	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
707	18050838	Nguyễn Anh Tú	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
708	18050650	Trần Thái An	11/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
709	18050651	Bùi Đức Anh	06/24/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
710	18050653	Hạng Triệu Đức Anh	08/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
711	18050654	Hoàng Thị Ngọc Anh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
712	18050660	Nguyễn Lê Phương Anh	07/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
713	18050661	Nguyễn Ngọc Anh	01/22/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
714	18050663	Nguyễn Phương Anh	07/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
715	18050668	Phạm Duy Anh	11/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
716	18050671	Trần Thị Phương Anh	01/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
717	18050673	Vũ Huyền Anh	10/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
718	18050674	Vũ Thị Quỳnh Anh	09/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
719	18050676	Giáp Ngọc Ánh	01/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
720	18050680	Vũ Phương Ánh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
721	18050682	Phạm Văn Bình	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
722	18050684	Trần Đức Bình	02/03/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
723	18050685	Vũ Kim Chi	05/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
724	18050686	Nguyễn Thị Chung	05/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
725	18050689	Phạm Minh Đạt	12/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
726	18050691	Lê Nguyên Đức	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
727	18050695	Lê Đức Dũng	11/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
728	18050699	Đào Hoàng Duy	12/31/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
729	18050703	Nguyễn Trường Giang	11/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
730	18050732	Vũ Huỳnh Anh Huy	10/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
731	18050751	Phạm Thùy Linh	06/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
732	18050754	Nguyễn Thị Loan	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
733	18050757	Trương Thế Long	12/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
734	18050760	Bùi Trần Công Lực	04/24/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
735	18050763	Đinh Thị Mai	04/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
736	18050765	Nguyễn Thị Mai	10/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
737	18050774	Bùi Thúy Nga	06/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
738	18050785	Lê Hoàng Yến Nhi	03/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
739	18050787	Nguyễn Hương Nhi	08/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
740	18050793	Mạc Phương Oanh	06/05/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
741	18050800	Đào Thị Phượng	09/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
742	18050801	Trần Thị Thu Quyên	11/13/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
743	18050806	Ninh Văn Sơn	08/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
744	18050812	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/18/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
745	18050818	Nguyễn Vũ Minh Thu	03/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
746	18050824	Phạm Thị Thu Thủy	05/01/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
747	18050829	Hoàng Thị Quỳnh Trang	09/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
748	18050844	Nguyễn Thị Thanh Vân	02/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
749	18050652	Hà Quỳnh Anh	05/27/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
750	18050678	Mai Thị Ngọc Ánh	02/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
751	18050688	Hoàng Khánh Đạt	09/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
752	18050690	Hoàng Anh Đức	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
753	18050692	Phan Đình Đức	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
754	18050698	Phạm Thùy Dương	03/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
755	18050700	Đặng Long Giang	07/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
756	18050705	Bùi Thị Hồng Hà	11/30/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
757	18050708	Vũ Ngọc Hà	06/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
758	18050718	Trần Thu Hiền	06/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
759	18050719	Vũ Trung Hiếu	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
760	18050722	Phạm Minh Hoàng	08/14/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
761	18050723	Phan Huy Hoàng	08/17/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
762	18050728	Đỗ Ngọc Huy	11/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
763	18050735	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	03/25/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
764	18050736	Trần Việt Kết	05/11/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
765	18050737	Nguyễn Tuấn Khang	09/21/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
766	18050742	Hồ Nhật Linh	11/09/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
767	18050752	Trịnh Khánh Linh	12/04/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
768	18050753	Vũ Thùy Linh	08/16/1999	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
769	18050755	Hoàng Ngọc Long	07/28/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
770	18050756	Phạm Kim Long	01/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
771	18050759	Vũ Quốc Long	10/15/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
772	18050764	Đoàn Thúy Mai	01/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
773	18050768	Đoàn Anh Minh	01/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
774	18050776	Bùi Thị Bích Ngọc	03/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
775	18050786	Lê Yến Nhi	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
776	18050795	Bùi Thị Hồng Phúc	08/02/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
777	18050808	Nguyễn Thị Tâm	03/20/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
778	18050809	Nguyễn Trọng Tấn	09/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
779	18050810	Lương Thanh Thảo	08/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
780	18050817	Nguyễn Thị Huyền Thu	10/06/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
781	18050820	Nguyễn Anh Thư	10/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
782	18050826	Cao Thủy Tiên	09/29/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
783	18050830	Kim Minh Trang	12/19/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
784	18050831	Lê Minh Trang	07/07/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
785	18050836	Trần Hạnh Trang	11/23/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
786	18050837	Trần Đức Trung	09/12/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
787	18050843	Lê Thị Thu Uyên	02/26/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
788	18050845	Lê Minh Vũ	10/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
789	18050849	Cao Tuấn Minh	04/08/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
790	18050850	Bùi Đức Hoàng	07/10/2000	QH-2018-E QTKD-CLC 4 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
791	18050854	Đào Thị Quỳnh Anh	09/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
792	18050857	Lê Thị Châm Anh	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
793	18050859	Nguyễn Phương Anh	12/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
794	18050864	Trịnh Hữu Việt Anh	11/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
795	18050866	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	05/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
796	18050867	Cao Gia Bách	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
797	18050870	Vũ Minh Châu	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
798	18050873	Lê Hoàng Linh Chi	05/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
799	18050874	Nguyễn Khánh Chi	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
800	18050876	Nguyễn Thị Chuyên	09/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
801	18050878	Đỗ Hải Đăng	04/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
802	18050879	Phạm Thành Đạt	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
803	18050882	Trần Công Đức	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
804	18050891	Lê Thị Minh Hằng	10/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
805	18050893	Nguyễn Thị Hiền	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
806	18050894	Bùi Thị Thu Hiền	10/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
807	18050902	Hồ Thị Huệ	02/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
808	18050903	Lê Minh Hương	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
809	18050904	Nguyễn Thị Diệu Hương	11/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
810	18050911	Vũ Hoàng Lan	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
811	18050918	Nguyễn Khánh Linh	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
812	18050923	Vũ Thùy Linh	02/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
813	18050925	Nguyễn Phan Đình Long	06/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
814	18050926	Nguyễn Quỳnh Mai	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
815	18050936	Đinh Vân Nga	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
816	18050941	Trần Thị Ánh Ngọc	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
817	18050946	Trịnh Thị Phương Nhi	02/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
818	18050962	Vũ Phương Thảo	09/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
819	18050963	Lê Ngọc Thùy	05/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
820	18050966	Cao Thị Thùy Trang	06/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
821	18050972	Trần Thị Thu Trang	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
822	18050976	Nguyễn Đức Trung	12/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
823	18050984	Phạm Kim Yên	12/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
824	18050988	Nông Hoàng Khôi	08/24/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 1 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
825	18050852	Đinh Thị An	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
826	18050853	Trịnh Thục An	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
827	18050855	Đỗ Hiền Anh	09/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
828	18050856	Lại Minh Anh	01/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
829	18050858	Ngô Quỳnh Anh	07/03/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
830	18050865	Ngô Thị Ánh	04/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
831	18050871	Đào Thị Linh Chi	07/04/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
832	18050875	Trần Phương Chi	09/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
833	18050883	Trịnh Đình Đức	03/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
834	18050884	Nguyễn Mạnh Dũng	11/22/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
835	18050886	Nguyễn Tùng Dương	08/28/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
836	18050889	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
837	18050890	Nguyễn Hương Giang	09/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
838	18050896	Đỗ Thế Hiệp	10/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
839	18050899	Nguyễn Thị Khánh Hòa	08/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
840	18050905	Kiều Quang Huy	03/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
841	18050908	Nguyễn Thanh Huyền	08/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
842	18050909	Nguyễn Trung Kiên	04/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
843	18050916	Dương Thị Yến Linh	11/01/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
844	18050919	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	11/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
845	18050920	Nguyễn Thùy Linh	08/07/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
846	18050924	Nguyễn Đăng Thanh Long	09/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
847	18050931	Trần Lê Minh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
848	18050932	Nguyễn Hà My	04/01/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
849	18050933	Nguyễn Thị Du Mỹ	10/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
850	18050934	Tô Hoàng Nam	12/22/1998	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
851	18050937	Nguyễn Tố Nga	06/29/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
852	18050945	Tào Lê Yến Nhi	03/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
853	18050947	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	09/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
854	18050950	Trịnh Xuân Phong	09/25/1999	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	2,225,000	15,275,000
855	18050954	Nguyễn Thanh Tâm	11/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
856	18050955	Đinh Thị Tăng	12/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
857	18050967	Đinh Hà Trang	05/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
858	18050971	Tạ Thị Phương Trang	08/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
859	18050973	Trần Thu Trang	07/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
860	18050975	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	02/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
861	18050985	Đào Thị Hải Yến	08/02/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 2 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
862	18050860	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	09/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
863	18050861	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	12/08/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
864	18050862	Phạm Ngọc Vân Anh	07/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
865	18050863	Trần Nam Anh	05/14/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
866	18050868	Trần Việt Bảo	10/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
867	18050869	Phạm Bảo Châm	01/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
868	18050872	Hoàng Kim Chi	12/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
869	18050881	Ngô Tiến Đức	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
870	18050885	Hoàng Ngọc Dương	07/11/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
871	18050897	Nguyễn Quang Hiếu	03/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
872	18050901	Phạm Huy Hoàng	12/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
873	18050910	Đặng Tùng Lâm	01/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
874	18050913	Đinh Diệu Linh	03/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
875	18050914	Đinh Hoàng Linh	08/26/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
876	18050917	Nguyễn Bảo Linh	12/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
877	18050922	Phạm Ngọc Khánh Linh	12/05/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
878	18050927	Nguyễn Thị Hoa Mai	01/20/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
879	18050929	Nguyễn Ngọc Minh	02/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
880	18050930	Trần Công Minh	01/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
881	18050935	Trần Phương Nam	08/17/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
882	18050938	Lê Minh Ngọc	10/15/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
883	18050942	Nguyễn Thảo Nguyên	09/24/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
884	18050943	Mai Quỳnh Nhi	08/23/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
885	18050948	Vũ Trang Nhung	12/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
886	18050949	Lê Đức Phong	12/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
887	18050952	Nguyễn Thế Quang	04/18/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
888	18050953	Ngô Thị Thủy Sinh	03/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
889	18050957	Nghiêm Chí Thành	12/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
890	18050958	Trịnh Đức Thành	03/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
891	18050960	Nguyễn Thị Phương Thảo	12/25/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
892	18050961	Nguyễn Thị Thảo	11/06/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
893	18050968	Nguyễn Minh Trang	10/09/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
894	18050969	Nguyễn Thu Trang	05/13/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
895	18050970	Nguyễn Yên Trang	08/10/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Học phí	Miễn/ giảm	Học phí phải nộp
896	18050974	Trần Vũ Minh Triết	09/27/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
897	18050977	Nguyễn Mạnh Trường	10/16/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
898	18050978	Khổng Gia Tường	01/12/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
899	18050981	Hoàng Long Tùng Vân	09/21/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000
900	18050986	Nguyễn Thị Yến	06/30/2000	QH-2018-E TCNH-CLC 3 (TT 23)	17,500,000	-	17,500,000

Danh sách gồm 2.458 sinh viên